



PHỤ LỤC 09: BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

SỐ TT	ĐỊA BÀN	GIÁ ĐẤT								
		Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	CHI LĂNG	2.300	1.900	1.400	1.800	1.500	1.100	1.400	1.200	900
2	PHỦ LĂNG	2.100	1.700	1.300	1.700	1.400	1.100	1.400	1.100	800
3	YÊN PHONG	2.500	2.000	1.600	2.000	1.600	1.200	1.600	1.300	1.000
4	VĂN MÔN	2.300	1.900	1.400	1.900	1.500	1.200	1.500	1.200	1.000
5	TAM GIANG	2.000	1.600	1.200	1.600	1.300	1.000	1.200	1.000	700
6	YÊN TRUNG	2.500	2.000	1.600	2.000	1.600	1.200	1.600	1.300	1.000
7	TAM ĐA	2.500	2.000	1.600	2.000	1.600	1.200	1.600	1.300	1.000
8	TIỀN DU	2.400	1.900	1.400	2.000	1.600	1.200	1.600	1.300	1.000
9	LIÊN BẢO	2.400	1.900	1.400	2.000	1.600	1.200	1.600	1.300	1.000
10	TÂN CHI	2.400	1.900	1.400	1.700	1.400	1.100	1.400	1.200	900
11	ĐẠI ĐỒNG	2.400	1.900	1.400	2.000	1.600	1.200	1.600	1.300	1.000
12	PHẬT TÍCH	2.400	1.900	1.400	2.000	1.600	1.200	1.600	1.300	1.000
13	NHÂN THẮNG	3.800	3.100	2.300	3.100	2.500	1.900	2.400	2.000	1.500
14	ĐẠI LAI	2.600	2.100	1.600	2.100	1.700	1.300	1.600	1.300	1.000
15	CAO ĐỨC	1.900	1.500	1.200	1.600	1.300	1.000	1.200	1.000	800
16	ĐÔNG CỨU	2.600	2.100	1.600	2.300	1.900	1.400	1.600	1.300	1.000
17	GIA BÌNH	4.600	3.700	2.800	4.200	3.400	2.600	3.800	3.000	2.300

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²


SỐ TT	ĐỊA BÀN	GIÁ ĐẤT								
		Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
18	LƯƠNG TÀI	4.400	3.500	2.600	4.000	3.200	2.400	3.600	2.900	2.200
19	LÂM THAO	2.600	2.100	1.600	2.100	1.700	1.300	1.600	1.300	1.000
20	TRUNG CHÍNH	2.000	1.600	1.200	1.600	1.300	1.000	1.300	1.100	800
21	TRUNG KÊNH	3.300	2.600	2.000	2.600	2.100	1.600	2.000	1.600	1.200
22	ĐẠI SƠN	600	520	480	400	360	320	300	250	200
23	SƠN ĐỘNG	1.160	920	600	580	390	360	420	350	310
24	TÂY YÊN TỬ	1.160	920	760	700	390	360	420	350	310
25	DƯƠNG HỮU	600	520	480	400	360	320	300	250	200
26	YÊN ĐỊNH	720	560	520	460	420	390	350	300	240
27	AN LẠC	600	520	480	400	360	320	300	250	200
28	VÂN SƠN	600	520	480	400	360	320	300	250	200
29	TUẦN ĐẠO	720	560	520	460	420	390	350	300	240
30	BIÊN ĐỘNG	720	560	520	460	420	390	350	300	240
31	LỤC NGẠN	720	560	520	460	420	390	350	300	240
32	ĐÈO GIA	600	520	480	410	370	330	310	260	210
33	SƠN HẢI	600	520	480	410	370	330	310	260	210
34	TÂN SƠN	600	520	480	410	370	330	310	260	210
35	BIÊN SƠN	600	520	480	410	370	330	310	260	210

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

SỐ TT	ĐỊA BÀN	GIÁ ĐẤT								
		Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
36	SA LÝ	600	520	480	410	370	330	310	260	210
37	NAM DƯƠNG	800	680	600	500	460	410	380	320	260
38	KIÊN LAO	800	680	600	500	460	410	380	320	260
39	LỤC SƠN	720	640	600	520	460	410	400	330	270
40	TRƯỜNG SƠN	720	640	600	520	460	410	400	330	270
41	CẨM LÝ	800	680	600	680	560	520	560	480	360
42	ĐÔNG PHÚ	800	680	600	680	560	520	560	480	360
43	NGHĨA PHƯƠNG	800	680	600	680	560	520	560	480	360
44	LỤC NAM	2.000	1.200	720	1.160	680	420	1.100	640	360
45	BẮC LŨNG	1.200	720	440	1.160	680	420	1.100	640	360
46	BẢO ĐÀI	800	680	600	680	560	520	560	480	440
47	LẠNG GIANG	1.520	920	560	1.440	880	520	1.400	840	480
48	MỸ THÁI	1.400	840	520	1.320	800	480	1.280	760	440
49	KÉP	1.400	840	520	1.320	800	480	1.280	760	440
50	TÂN ĐỈNH	1.400	840	520	1.320	800	480	1.280	760	440
51	TIỀN LỤC	1.400	840	520	1.320	800	480	1.280	760	440
52	NGỌC THIÊN	1.440	1.080	960	880	720	560	680	560	480
53	NHẢ NAM	1.360	1.040	920	840	680	520	640	520	440

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²


SỐ TT	ĐỊA BÀN	GIÁ ĐẤT								
		Khu vực 1			Khu vực 2			Khu vực 3		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
54	PHÚC HOÀ	1.360	1.040	920	840	680	520	640	520	440
55	QUANG TRUNG	1.360	1.040	920	840	680	520	640	520	440
56	HỢP THỊNH	1.600	1.280	1.040	1.120	900	720	800	640	480
57	HIỆP HOÀ	1.600	1.280	1.040	1.120	880	720	800	640	480
58	HOÀNG VÂN	1.600	1.280	1.040	1.120	880	720	800	640	480
59	XUÂN CẨM	1.600	1.280	1.040	1.120	880	720	800	640	480
60	ĐỒNG VIỆT	1.800	1.080	640	1.560	920	540	1.320	800	480
61	TÂN YÊN	1.440	1.080	960	880	720	560	680	560	480
62	YÊN THỂ	1.160	920	760	720	400	360	440	320	290
63	BỐ HẠ	1.160	920	760	720	400	360	440	320	290
64	ĐỒNG KỲ	720	640	600	520	460	410	400	330	270
65	XUÂN LƯƠNG	720	640	600	520	460	410	400	330	270
66	TAM TIẾN	720	640	600	520	460	410	400	330	270